Câu 1: Đâu không phải là quy tắc sử dụng Internet an toàn là:

A. giữ an toàn **B. gặp gỡ thường xuyên**

C. kiểm tra độ tin cậy D. đừng chấp nhận

Câu 2: Hành động nào sau đây là đúng?

A. luôn chấp nhận lời mời kết bạn của người lạ

**B. nói với bố mẹ và thầy cô về việc em bị đe dọa qua mạng**

C. chia sẻ cho các bạn những video bạo lực

D. đăng thông tin không đúng về một người bạn cùng lớp lên mạng xã hội

Câu 3: Phương án nào sau đây không phải là quy tắc an toàn khi sử dụng Internet?

A. giữ an toàn thông tin cá nhân và gia đình

B. không được một mình gặp gỡ người mà em chỉ mới quen qua mạng

**C. im lặng, không chia sẻ với gia đình khi bị đe dọa, bắt nạt qua mạng**

D. đừng chấp nhận các lời mời vào các nhóm trên mạng mà em không biết.

Câu 4: Người ta thường dùng sơ đồ tư duy để:

A. học các kiến thức mới

B. không cần phải suy nghĩ gì thêm khi học tập

**C. ghi nhớ tốt hơn**

D. bảo vệ thông tin cá

Câu 5: Hãy sắp xếp các bước tạo sơ đồ tư duy:

1. Viết chủ đề chính ở giữa tờ giấy. Dùng hình chữ nhật, elip hay bất cứ hình gì em muốn bao xung quanh chủ đề chính.

2. Phát triển thông tin chi tiết cho mỗi chủ đề nhánh, lưu ý sử dụng từ khoá hoặc hình ảnh.

3. Từ chủ đề chính, vẽ các chủ đề nhánh.

4. Có thể tạo thêm nhánh con khi bổ sung thông tin vì sơ đồ tư duy có thể mở rộng về mọi phía.

A. 1 - 2 - 3 – 4  **B. 1 - 3 - 2 – 4**

C. 4 - 3 - 1 – 2 D. 4 - 1 - 2 – 3

Câu 6: Sơ đồ tư duy được tạo nên bởi:

A. âm thanh, hình ảnh, màu sắc

**B. chủ đề chính, chủ đề nhánh, các đường nối**

C. các kiến thức em được học

D. các ý nghĩ trong đầu em

Câu 7: Để đặt hướng cho trang văn bản, trên thẻ Page Layout vào nhóm lệnh Page Setup sử dụng lệnh

**A. Orientation**    B. Size

C. Margins       D. Columns

Câu 8: Thao tác nào không phải là thao tác định dạng văn bản?

A. Thay đổi kiểu chữ thành chữ nghiêng B. Chọn chữ màu xanh

C. Căn giữa đoạn văn bản **D. Thêm hình ảnh vào văn bản**

Câu 9: Muốn chèn hình ảnh vào văn bản, ta thực hiện lệnh nào sau đây:

A. Insert -> Clip Art B. Insert -> Shape

**C. Insert -> Picture** D. Insert -> SmartArt

Câu 10: Muốn xóa bảng, sau khi chọn cả bảng, em nháy chuột phải vào ô bất kì trong bảng rồi chọn lệnh:

A. Delete Rows  **B. Delete Table**

C. Delete Columns D. Delete Cells

Câu 11: Bạn An đã nhập số hàng, số cột như hình để tạo bảng. Bảng được tạo sẽ có:

 A. 4 cột, 35 hàng     B. 35 cột, 4 hàng

C. 35 cột, 35 hàng       D. 4 cột, 4 hàng

Câu 12: Trình bày thông tin ở dạng bảng giúp em

A. biết được nguồn gốc thông tin để có thể dễ dàng tìm kiếm và tổng hợp thông tin

B. tạo và định dạng văn bản

C. có thể tìm kiếm và sao chép mọi thông tin

**D. trình bày thông tin một cách cô đọng, có thể dễ dàng tìm kiếm, so sánh, tổng hợp được thông tin.**

Câu 13: Khi Nút lệnh dùng để tạo bảng là:

1.  **B**.  C.  D. 

Câu 14: Phát biểu nào sau đây là đúng?

1. Chèn bảng vào văn bản em không thể chọn được số cột và số dòng tùy ý
2. Chèn bảng vào văn bảng em không thể chọn được số dòng tùy ý
3. Chèn bảng vào văn bảng em không thể chọn được số cột tùy ý
4. **Chèn bảng vào văn bản em có thể chọn được số dòng và số cột tùy vào nhu cầu sử dụng**

Câu 15: Công cụ nào trong chương trình soạn thảo văn bản Word cho phép tìm nhanh các cụm từ trong văn bản và thay thế cụm từ đó bằng một cụm từ khác?

A. Lệnh Find trong bảng chọn Edit

B. Lệnh Find and Replace… trong bảng chọn Edit

**C. Lệnh Replace trong bảng chọn Edit**

D. Lệnh Search trong bản chọn File

Câu 16: Trong hộp thoại Find and Place, khi nháy nút Replace có nghĩa là:

A. Tìm kiếm **B. Thay thế**  C. Kết thúc D. Xóa bỏ

Câu 17: Khi sử dụng hộp thoại “Find and Replace", nếu tìm được một từ mà chúng ta không muốn thay thế, chúng ta có thể bỏ qua từ đó bằng cách chọn lệnh nào?

A. Replace All. B. Replace **C. Find Next.**  D. Cancel.

Câu 18: Khi sử dụng hộp thoại “Find and Replace", nếu tìm được một từ mà chúng ta muốn thay thế cho tất cả các từ đó có trong văn bản, chúng ta chọn lệnh nào?

**A. Replace All.** B. Replace C. Find Next. D. Cancel.

Câu 19: Tệp tin nào là tệp van bản?

A. xlsx  **B. .docx**  C. .mp3 D. pptx

Câu 20: Nút lệnh  dùng để?

**a. Định dạng kiểu chữ đậm** B. Định dạng kiểu chữ nghiêng

C.ĐỊnh dạng kiểu chữ gạch chân D. Định dạng màu chữ

Câu 21: Nút lệnh  dùng để?

Định dạng kiểu chữ đậm B. Định dạng kiểu chữ nghiêng

C.ĐỊnh dạng kiểu chữ gạch chân **D. Định dạng màu chữ**

Câu 22: Để chèn thêm bất cứ nội dung gì vào văn bản em mở thẻ lệnh?

A, Home B. Insert C, Page layout D. View

Câu 23: Trong các sơ đồ khối sau, sơ đồ khối nào thể hiện cấu trúc lặp kiểm tra điều kiện:

 ![[KNTT] Trắc nghiệm tin học 6 bài 16: Các cấu trúc điều khiển]()

**A. Hình 1** B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 24: Thuật toán dưới đây thuộc cấu trúc:![[KNTT] Trắc nghiệm tin học 6 bài 16: Các cấu trúc điều khiển]()

 A. Cấu trúc nhánh dạng thiếu B. Cấu trúc nhánh dạng đủ

**C. Cấu trúc lặp** D. Cấu trúc tuần tự

Câu 25:Quy tắc An toàn thông tin trên internet có mấy quy tắc?

1. 1 B. 3  **C. 5**  D. 7

**Câu 26:**Sơ đồ tư duy là gì?

A. Bản vẽ kiến trúc một ngôi nhà.

B. Một sơ đồ hướng dẫn đường đi.

**C. Một sơ đồ trình bày thông tin trực quan bằng cách sử dụng từ ngữ ngắn gọn, hình ảnh, các đường nối để thể hiện các khái niệm và ý tưởng.**

D. Văn bản của một vở kịch, bộ phim hoặc chương trình phát sóng,

**Câu 27:**Thông tin trong sơ đồ tư duy thường được tổ chức thành:

A. Mở bài, thân bài, kết luận.

B. Tiêu đề, đoạn văn.

C. Chương, bài, mục.

**D. Chủ đề chính, chủ đề nhánh,**

**Câu 28:**Sơ đồ tư duy gồm các thành phần:

A. Con người, đồ vật, khung cảnh,...

B. Phần mềm máy tính.

**C. Từ ngữ ngắn gọn, hình ảnh, đường nối, màu sắc,...**

D. Bút, giấy, mực.

**Câu 29:**Nhược điểm của việc tạo sơ đồ tư duy theo cách thủ công là gỉ?

A. Không linh hoạt để có thể làm ở bất cử đâu, đòi hỏi công cụ khó tìm kiếm.

**B. Không dễ dàng trong việc mở rộng, sửa chữa và chia sẻ cho nhiều người.**

C. Khó sắp xếp, bố trí nội dung.

D. Hạn chế khả năng sáng tạo.

**Câu 30:**Em nên làm gì với các mật khẩu dùng trên mạng của mình?

A. Cho bạn bè biết mật khẩu để nếu quên còn hỏi bạn.

B. Đặt mật khẩu dễ đoán cho khỏi quên.

**C. Thay đổi mật khẩu thường xuyên và không cho bất cứ ai biết.**

D. Sử dụng cùng một mật khẩu cho mọi thứ.